

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ DAK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ DAK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAK TECHNOLOGY AND TRADING SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DAK T&TS.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108253503

**3. Ngày thành lập:** 07/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 4, ngõ 136/6/35 Phố Triều Khúc , Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0946 146 363

Fax:

Email:

Website: <http://daklib.com>

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                  | 4511     |
| 2.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                    | 4513     |
| 3.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại nhà nước cấm)                   | 4620     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633     |
| 5.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711     |
| 6.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                              | 4772     |
| 7.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi Tiết: - Đào tạo công nghệ thông tin                                      | 8559     |
| 8.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                     | 5610     |
| 9.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                 | 4641     |
| 10. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                            | 8230     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                      | 6209     |
| 12. | Cổng thông tin<br>( trừ các thông tin nhà nước cấm, và hoạt động báo chí)                                            | 6312     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;<br>- Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v...<br>(trừ các loại thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra) | 6329 |
| 14. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                          | 4782 |
| 15. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                               | 4651 |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                            | 4653 |
| 17. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                         | 4742 |
| 18. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                   | 4751 |
| 19. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết: Dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế                                                                                                                                                                                                     | 7120 |
| 20. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5590 |
| 21. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                     | 5621 |
| 22. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4632 |
| 23. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                                           | 4791 |
| 24. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                               | 6202 |
| 25. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                | 4652 |
| 26. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                            | 4741 |
| 27. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                  | 4781 |
| 28. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông)                                                                                                                                                                   | 6311 |
| 29. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                      | 4512 |
| 30. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn về môi trường;<br>- Tư vấn về công nghệ khác;<br>- Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý.                                                                              | 7490 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                          | 8299 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 32. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng, lắp đặt hệ thống viễn thông                                                                                                                                                                                           | 4290        |
| 33. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6201(Chính) |
| 34. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                        | 4649        |
| 35. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Đại lý dịch vụ ứng dụng viễn thông ( không bao gồm kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông)<br>- Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông ( không bao gồm thiết lập mạng viễn thông và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông) | 6190        |
| 36. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Cung ứng thiết bị giáo dục                                                                                                                                                                                                 | 4669        |
| 37. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5510        |
| 38. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                   | 4759        |
| 39. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                      | 4752        |
| 40. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                               | 4753        |
| 41. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                          | 4771        |
| 42. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                           | 4659        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN CHUNG HOẠT | Số 4/150 Phố Triều Khúc, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 5,000     | 012984434                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                     |                                                                                              |                   |         |               |        |           |  |
|---|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC | Số 4, ngõ 136/6/35 Phố Triều Khúc, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 185.000 | 1.850.000.000 | 92,500 | 012098774 |  |
|   |                     |                                                                                              | Tổng số           | 185.000 | 1.850.000.000 | 92,500 |           |  |
| 3 | NGUYỄN CHUNG HẢI    | Số 4/150 Phố Triều Khúc, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 5.000   | 50.000.000    | 2,500  | 012450662 |  |
|   |                     |                                                                                              | Tổng số           | 5.000   | 50.000.000    | 2,500  |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/01/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012098774

Ngày cấp: 09/11/2013 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4, ngõ 136/6/35 Phố Triều Khúc, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 4, ngõ 136/6/35 Phố Triều Khúc, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội